

# DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 8 (Phần Cuối)

## BẢN LUẬN QUYỂN 35

Ở địa Bồ-tát mong cầu Đại giác thương xót hữu tình. Hoặc cầu Bồ-đề chí nguyện bền chắc mạnh mẽ, suốt trong thời gian dài tu chứng, ra khỏi thế gian. Vì hạnh lớn, quả lớn nên gọi là Bồ-tát.

Chứng tánh Bồ-tát như thế, phát tâm tu hành được quả, tất cả nói chung là địa Bồ-tát, trong đó có bốn xứ Du-già, luận Địa Trì bản cựu dịch là phương tiện xứ, nay dịch là Du-già, dịch đúng là Tương ứng. Về nghĩa Du-già như trước đã nói.

Nói bốn Du-già:

1/ Trì Du-già, phát ra pháp mà Bồ-tát kia đã giác ngộ, hoặc nhân hoặc quả, gọi là chung là Trì Du-già xứ bậc nhất.

2/ Trì Tùy Pháp Du-già, nghĩa là tùy theo pháp ở trước mà khởi sự tu, nên gọi là Tùy Pháp.

3/ Trì Rốt ráo Du-già, do tu thành tựu viên mãn, nên gọi là rốt ráo.

4/ Trì Thứ Đệ Du-già, nói lại nghĩa trước, nghĩa là vì thứ lớp của Phẩm, nên nói là thứ đệ. Đều nói Trì. Nghĩa là Nhậm Trì. Nhậm Trì này có ba nghĩa:

a) Dùng nhân giữ quả.

b) Pháp sư Cảnh nói: “Nhậm Trì tự thể.” Pháp sư Khuy Cơ nói: “Kham nhậm gọi là Trì. Có chứng tánh, nghĩa là có Kham nhậm”.

c) Trước có thể giữ sau, như đầu tiên Du-già, sau có ba Trì:

1- Chứng tánh Trì.

2- Trì đối với phát tâm Trì.

3- Hành phương tiện Trì.

Phát tâm trì, Hành Phương tiện trì sinh quả Phật. Pháp sư Trắc nói rằng: “Trì có ba nghĩa: Lấy nhân giữ quả; lấy chung giữ riêng và dùng văn để giữ lấy nghĩa, nên gọi là Trì. Nói chung, hợp với ban đầu

có mười tám Phẩm, chủng tánh đứng đầu, nên nói là thứ nhất. Nếu dựa theo bản chữ Phạn thì chữ “sơ” đặt ở dưới. Nay, vì thuận với xứ này, chữ “Sơ” đặt ở trên, nên nói Sơ Trì Du-già cho đến thứ nhất.

Hỏi: “Ba thứ trì trước nói về các muôn hạnh, ba xứ nói có gì khác nhau? Dùng ba vòng để nói chăng?”

Ghi chép: “Như nhà chú-thích Du-già, Tối-Thắng-Tử, giải thích về Trì đầu tiên nói mười hai trụ, chỉ pháp hạnh của “Sở hành”

Thứ hai, Tùy-pháp, nói về mười ba trụ, gồm giải thích về Như lai trụ, nói về pháp “năng hành”

Thứ ba, Rốt ráo kết hợp với mười ba trụ làm thành bảy địa kia. Bảy địa là gì? Bắt đầu, từ Chủng tánh cho đến cứu cánh. Trì này nói về học thành-tựu viên mãn, nói lại nhân-quả, dù ba vòng nói về nghĩa, nhưng ý của ba vòng đó không đồng.

Theo văn của địa này, chia chung làm hai:

1/ Trước kết, sau sinh.

2/ Chính giải thích.

Pháp sư Thái nói Theo bản kinh của các nước Phương Tây, đầu tiên, tôn trọng người chép kinh, hoặc trước, quy-y Tam-bảo; hoặc trước, quy-y trời Đại Tự-Tại. Nhưng theo phiên-dịch xưa đặt để làm kinh-chủ quy-y Phật ba đời trước rồi mới soạn luận, thì lẽ ra phải nói là quy-y trước địa năm thức thân đầu tiên ở luận. Lại, y theo bản phạm, đầu tiên của các địa đều có trước kết, sau sinh, kể cả bài tụng chung, sao đối với địa Bồ-tát không so sánh ở trước thiếu không có bài tụng này ư? Là biết được chính là Kinh-chủ đã quy-y Chư Phật ba đời, chứ chẳng phải Luận chủ.

Trong chính giải-thích, trước giải-thích hai mươi bảy phẩm của ba Du-già ở trước, tức là giải thích mười pháp của ba Trì. 2/ Giải thích Du-già thứ tư, tức nêu thứ lớp trước, sau của hai mươi bảy phẩm.

Phần Trì thứ tư này luận bản dịch xưa không có Văn, Ở phần trước lại có ba:

1/ Nêu mười pháp, lược nêu cương yếu.

2/ Dựa vào môn để nói rộng.

3/ Giải thích xong, tổng kết.

Trong phần trước, trước là nêu một bài tụng, trình-bày tên của mười pháp. Thứ hai, đương thuộc về văn xuôi, có mười pháp gồm đầu đủ đạo Đại thừa Bồ-tát và quả v.v... nghĩa là theo ngữ của bản Phạm, dứt xa kế thừa Đạt-Mma. Đời đương nói: “Có mười pháp Tát-phá-la và quả Tát-đỏa (hữu tình), Mạt-già; (đạo) Bồ-đề; (giác), Ma-ha (Đại);

Bát-Nna (thừa); Tăng-Già-la-ha (nhiếp); Tam Thế Thích thả yết (năng cụ). Nhưng, nay tùy theo ngữ này, chỉ bày rõ mười pháp này gồm thâu đủ pháp nhân, quả của Đại-Thừa một cách cùng tận rằng: “Gồm thâu đủ Đại thừa. Đại thừa là gì? Nghĩa là Đạo và Quả. Xưa là Mãn Tát-phá-la, nên không nói và có trở lại trong quả giải thoát. Lại, y cứ bản Phạm có bảy tiếng chuyển. Có mười pháp gồm thâu đủ tiếng chuyển ban đầu, tức là chủ thể gồm thâu đạo Bồ-tát Đại thừa và đạo quả. Vì tiếng thứ sáu, nên là đối tượng gồm thâu. Nhưng nhà phiên-dịch xưa không giải thích rõ về tiếng chuyển, nên Đại thừa là chủ thể gồm thâu; mười Pháp là đối tượng gồm thâu, điều này cũng sai lầm.

Kế là, nêu mười pháp

1/ Trì, tức ba thứ Trì.

2/ Tướng, tức năm tướng của Bồ-tát.

Ba phần, tiếng Phạm nói là Trì-Ngật. Lại, Hán dịch là Phẩm. Lại, phần, hoặc giúp cho.

3/ Trong ba mươi bảy pháp cũng có tên gọi này, nên cũng dịch là Phần. Lại dịch là Phẩm, xưa dịch là Dục ngoa, trong đây không nói nghĩa phần nhiều giúp cho, chỉ nói hai phẩm tại gia, xuất gia không đồng, nên xưa dịch là phẩm. Nếu vậy, lúc nêu tên phẩm, tức gọi là phẩm phẩm. Vì có sự trở ngại nhau này, nên nói là Phần.

4/ Tiếng Phạm nói: “Địa nào (tăng thượng). A-thế-da (ý lạc (tức mười lăm ý-lạc).

Tiếng Phạm là Chất đa. Hán dịch là Tịnh tâm. Trong mười Pháp của bản Tiếng Phạm cũng không có “ngũ” này.

5/ Trụ tức mười ba trụ.

6/ Sinh, tức năm sinh giáo hóa chúng sinh của Bồ-tát .

7/ Nhiếp-thọ, tiếng Phạm: “Đâu như trong mười pháp gốc của Ca-la-ha, cũng không có tên gọi này.

8/ Địa, tức sáu Địa.

9/ Hạnh, tức bốn thứ hạnh của Bồ-tát.

10/ Kiến-lập, tiếng Phạm nói Bát-Lạt-Để-Phong-Sá, kiến-lập một trăm bốn mươi đức của Như lai. Lại nói là Tỳ-Ba-la-địa, Hán dịch là An lập; trong bản Phạm không có. Mười Pháp như thế, tùy theo nghĩa, có chia ra sáu môn:

1/ Chung, riêng, Xưa nói Sơ Trì là chung; chín Pháp còn lại là riêng. Nay, Ngài Tam-Tạng nói: “Luận này dùng mười pháp làm Thế-Pháp gồm thâu hết trong mười Pháp, gọi là chung; gồm thâu không hết, gọi là riêng Trụ và Địa gồm thâu khắp Nhân, Quả, nên gọi là chung tám

thứ còn lại vì không khắp Nhân, Quả nên gọi là riêng.

2/ Phân biệt Nhân-quả người xưa giải thích các thứ chương nghĩa. Nay, giải-thích: Đầu tiên giữ một thứ chỉ có Nhân, chẳng phải quả. Thứ mười một, chỉ có quả, chẳng có nhân. Địa với Trụ thông suốt qua nhân và quả. Sáu thứ còn lại hoặc y cứ ở tướng-văn mà nói là chỉ có nhân chẳng có quả. Y cứ sự thật mà nói thì đều chung cho cả Nhân-quả.

3/ Phân-biệt sự khác nhau của phần vị hành: Nghĩa là Trì, Trụ, Địa, Kiến-lập, bốn thứ này là Vị; sáu thứ còn lại là hành. Nếu nói chung, thì đều thông suốt quả cả Hành và Vị.

4/ Lợi mình, lợi người: Xưa nói: “Năm thứ đầu là lợi mình; ba thứ kế là lợi người; hai thứ sau là lợi mình, người. Nếu nói chung, thì tu mười pháp đều gọi là lợi mình; mười thứ giúp ích chúng sinh, đều gọi là lợi người.

Nay, theo Tướng-văn luận dưới đây, năm thứ đầu là lợi mình; ba thứ kế là cả mình, người, hai thứ sau chỉ lợi người.

5/ Phần mình, thắng Tấn: Xưa giải thích: “Tám thứ trước là phần mình; hai thứ sau là Thắng tấn. Nếu chung cả mười pháp thành tựu thì đều là phần mình; chỉ tập; đều là Thắng Tấn”. Nay, giải thích không đúng, vì văn luận không có tướng mạo. Một chủng tánh ban đầu chỉ có phần mình; chín chủng tánh còn lại, chung cho cả phần mình và Thắng Tấn. So với trước là Thắng Tấn, so với sau là phần mình.

6/ Phân biệt ba Trì: Ba Trì có hai thứ:

A) Đầu, kế là rốt ráo ba Trì. Nếu theo tân luận thì có đủ bốn Trì. Nay, lại trừ Trì thứ lớp thứ tư, y cứ sự thật để nói, thì ba thứ Trì này, gồm cả mười pháp. Nhưng mười tám phẩm đầu trong mười pháp, do sức tu hành kém, nên đầu tiên khởi học, gọi là sơ Trì. Bốn phẩm như Tướng v.v... của Tùy Pháp Du-già trở đi, tạo dựng nên công sức tu mạnh mẽ, công dụng vượt hơn dần, gọi là Thứ Trì. Năm phẩm sinh v.v... của Rốt ráo Du-già trở đi, tu hành viên mãn dần, gọi là rốt ráo Trì. Pháp sư Viễn cho giải thích này là đúng: Hai chủng tánh: Phát tâm và Gia hạnh.

Phân biệt ba Trì:

1/ Một Trì Pháp: về nghĩa ngang với chủng tánh.

2/ Bốn nghĩa như tướng v.v... thích hợp với phát tâm.

3/ Năm nghĩa sinh v.v... thích hợp với gia hạnh Trì.

Nếu căn cứ nói chung, thì mười pháp đều đi suốt qua ba Trì; như nghĩa của Trì trụ trong chủng tánh, được gọi là Trì, về nghĩa biểu lộ, tức gọi là Tướng; nghĩa thu hưởng, tức phẩm pháp giúp đỡ này. Phần chứng lìa nhiễm tức gọi là tịnh tâm. Y cứ đức thành tựu địa vị, cũng tức là Trụ.

Gá vào báo, tùy theo chúng sinh, gọi là Sinh. Nhiếp hóa chúng sinh, tức là pháp nhiếp Địa vị đem lại lợi ích cho chúng sinh được hoàn thành, nói là Địa. Tu vượt hơn, tiến lên trên gọi là Hạnh. Tùy theo văn, giác biết sự thật, gọi là an lập.

Chủng tánh đã như thế, loại phương tiện phát tâm giải thích đều như thế.

B) Từ trên đến đây, đã giải thích về nêu chung cương yếu. Từ đây trở xuống là thứ hai dựa vào môn để nói rộng. Về văn có chia làm ba:

1/ Giải thích về nghĩa Trì thứ nhất, trong đó triển khai rộng thành mười tám Phẩm là sơ Du-già.

2/ Giải thích ý lạc tăng thượng của phần tướng và trụ bốn pháp, tức là bốn phẩm, là tùy pháp Du-già thứ hai.

3/ Giải thích sinh, nhiếp, Địa, hành và kiến lập, đây là năm phẩm, chính là rốt ráo Du-già thứ ba kia. Ba Du-già này tức là sở trì; thứ trì và tất cánh trì. Du-già thứ tư lại không có pháp riêng.

Hỏi: “ Vì sao trong trì này, đầu tiên được gọi là Trì? Vì trong trì này nói ba .

1) Chủng tánh

2) Kham nhậm.

3) Pháp phần Bồ-đề. Đủ ba nghĩa này gọi là Trì. Vì giải thích rộng như thế, nên được gọi là trì. Tuy nhiên, ba trì này đại khái dùng ba môn để phân biệt:

1/ Nói về thể. Nghĩa là chủng tánh ban đầu giữ lấy hai thứ thứ tánh làm thể. Phát tâm trì lấy nguyện lớn làm thể. Nguyện là mong cầu, thì lấy thắng giải, dục, tín và tư, đều có mong cầu mà Nhiếp Luận nói: “ Bốn Ba-La-Mật sau là Hậu trí, Nghĩa là y cứ Trí dẫn dắt chung, xếp chung vào trí, đâu không có tự thể riêng, như nói sáu độ trước thuộc về trí vô phân biệt , đâu thể không có tự thể riêng của trí, giới v.v...? Bồ-đề phân biệt pháp trí, dùng sáu độ ba mươi bảy, pháp phần Bồ-đề làm thể? “

2/ Nói về danh. Đắc có chung, có riêng. Chung, gọi là ba trì: ba là danh số; trì là danh nghĩa, như trên đã giải thích.

Tên riêng. Nghĩa là hai chủng tánh làm chủng tánh, cho đến dùng pháp Bồ-đề phần làm trì thứ ba. Thế nên đều ngay nơi, thể mà được tên, hoặc có thể đều từ công dụng của nghĩa mà được tên.

3/ Nói về địa vị sai khác Pháp sư trắc nói: có hai nghĩa:

a) Ghi sự thật để luận. Mười tín trở xuống chỉ có chủng tánh. Mười tín trở lên, cho đến Kim Cương đều đủ ba thứ trì.

b) Ký thác địa vị để luận có ba:

1/ Các nước phương Tây có ba thuyết không đồng:

a) Giải thích về mười tín trở xuống, gọi là chủng tánh Trì. Mười tín là phát tâm Trì. Mười Giải trở lên là Bồ-đề phần pháp trì.”

b) “Từ vô thủy đến nay, cho đến Thập Tín là chủng tánh Trì. Vì sao? Vì hai thứ tánh, tập là chủng tánh Trì. Thập giải trở lên, cho đến Hồi hướng là Phát Tâm Trì. Sơ Địa trở lên, cho đến Kim Cương là Bồ-đề phần Pháp Trì.”

c) “Chia ra ba kiếp tức ba Trì, nghĩa là mười Tín trở lên, sơ tăng kỳ là sơ trì, Sơ địa trở lên, cho đến thất địa là Trì thứ hai. Bát địa trở lên, Tăng-kỳ thứ ba là trì thứ ba.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Phương Tây (Ấn Độ) có hai thuyết:

- Chủng tánh Trì, như Bồ-tát Hộ Nguyệt lấy hạt giống “Pháp Nhĩ” từ vô thủy, tức mười Tín ở trước.

- Phát tâm trì tức Pháp mà Thập Trụ trở lên đã phát tâm Bồ-đề phần pháp trì là pháp thực hành của Bồ tát Thập Trụ trở lên. Về thế nghĩa của Bồ-tát Hộ Pháp thì đồng với nghĩa của Bồ-tát Hộ Nguyệt, có khác chút ít trong nghĩa của Thắng Quân Luận sư.

Khác chút ít là sao? Nghĩa là chủng tánh. Trì tức có tánh chướng Sở tri từ vô thủy đến nay, là nghĩa biên có thể dứt, nói là chủng tánh, tức là chỗ có thể dứt hạt giống hữu lậu, vô lậu.

Khi Phát tâm Trì lấy thập Tín hữu lậu vẫn, Tư tuệ v.v... Về nghĩa của Bồ-đề phần pháp đồng với trước. Lại, có thuyết khác, nói là chủng tánh Trì tức chủng tánh “pháp nhĩ”, nghĩa là thập tín trước.

2/ Phát tâm Trì, tức Thập tín trở lên.

3/ Bồ-đề phần pháp Trì, tức Thập giải trở lên, lại, nói: “Chủng tánh Trì, nghĩa là tâm Thập Tín; Phát Bồ-đề tâm Trì, nghĩa là địa vị Thập Giải. Bồ-đề phần pháp Trì, nghĩa là địa vị Thập Hạnh.

Dù có giải thích này, nhưng chưa dừng lại, sách vặn hỏi, không sáng tỏ, Làm sao y cứ? Lại chủng tánh Trì, nghĩa là chủng tánh “pháp nhĩ”. Phát tâm Trì, Thập Tín trước, thập lực, trong muôn kiếp, mới phát tâm cũng được. Lấy Sơ Địa chân phát tâm Bồ-đề cũng được.

Trong đây nếu chia theo hệ thống chung, thì mười bảy phẩm đầu của văn sơ Du-già, chính là giải thích tướng của địa Bồ-tát; một phẩm sau cuối, nêu thọ trì nhớ giữ công đức. khuyên người tu học. Không như thế, thì phán quyết ngay có ba Trì kia trong sơ Du-già.

Giải thích ba trì này, vẫn có hai:

1/ Nói lược về ba Trì.

2/ “Thế nào là chủng tánh v.v... ” trở xuống là nói rộng.

Trong phần trước thế nào gọi là Trì v.v...? Đây là đại khái hỏi đáp, nêu ra thể của ba Trì, nghĩa là chủng tánh tự thừa của các Bồ-tát, đó là chủng tánh Trì. Vì phân biệt nhị thừa nên nói là Bồ-tát. Người Bồ-tát cũng có vị thành tựu hạt giống của nhị thừa, chỉ lấy hạt giống Đại thừa để làm chủng tánh Trì, nên nói là “tự thừa”.

Người phát tâm đầu tiên, tức phát tâm Trì thứ hai, nhưng dù biết phát tâm suốt cả từ đầu tới cuối, nhưng nay, vì y cứ ở phần vượt hơn, nên nói là “tối sơ” (trước hết).

Nói: “và tất cả pháp Bồ-đề phần” tức là Hành phương tiện trì thứ ba.

Từ câu “vì sao v.v... ” trở xuống, là phân biệt về nghĩa Trì kia. Do các hạt giống tự thừa của Bồ-tát: Vì làm đối tượng nương tựa nên được Kiến lập; vì có chỗ kham năng, nên có thể lực lớn v.v... Pháp sư Cảnh nói: “Nói về hai hạt giống làm y chỉ v.v... có thể được Bồ-đề. Do làm y chỉ, nên có thể kiến lập; do kiến lập nên có chỗ kham năng; dokham-năng nên có thể lực lớn. Vì hội đủ các yếu tố như thế, nên được Bồ-đề”. Cũng có thể có chỗ kham nhận, là giải thích rõ về y chỉ ở trước; có thể lực lớn là giải thích về kiến lập ở trước. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nay, giải thích văn này chia làm hai thuyết.

1/ Vì y chỉ chủng tánh, nên có thể lực kham nhận, được thành tựu Bồ-đề, tức do chủng tánh có thể lực chịu đựng, có khả năng kiến lập Đại Bồ-đề.

2/ Vì lấy chủng tánh của tự thừa để làm y chỉ, nên có sự kham nhận thành Chánh Đẳng giác. Vì chủng tánh tự thừa là chủ thể kiến lập, nên có thể lực lớn chứng Đại Bồ-đề. Chủng tánh là hai cách giải thích này. Dưới đây, trong giải thích phát tâm Bồ-đề phần pháp cũng là hai thuyết này.

Nói: “Do các Bồ-tát, cho đến “là bực đã viên mãn Đại Bồ-đề Trì”. Pháp sư Cảnh nói: “Nếu viên mãn thuộc về nhân, tức chủ thể viên mãn, còn viên mãn thuộc về quả, tức đối tượng viên mãn (được viên mãn). Đã nói là được viên mãn, phải biết thuộc về quả”.

Hỏi: “Ba thứ như chủng tánh v.v... : Một thứ là Trì, vì sao chủng tánh tức Trì xa quả Phật? Phát tâm tức Trì hành phương tiện, hành phương tiện là giữ lấy quả Phật chăng?”

Giải thích: “Đây là ảnh lược. Muốn dùng các thứ văn nhằm làm dồi dào cho nghĩa thì dễ hiểu. Như chủng tánh kia Trì xa quả Phật, phải biết rằng, chủng tánh cũng Trì kế là sau phát tâm Trì. Hành phương tiện

Trì, Trì ở quả Phật, thế nghĩa tiếp cận, không nhọc công phân biệt.”

Hỏi: “Một thứ ảnh lược, vì sao không nói phát tâm trì ở quả Phật, mà chủng tánh Trì phát tâm ư?”

Giải thích: “Đã nhất định có người vấn nạn, thì chẳng cần giải thích, tất nhiên, người cần thông suốt qua, cũng có đạo lý, do chủng tánh nên hạt giống vô lậu. Là nhân chính, cho nên, so sánh với quả vị Phật, phát tâm đầu tiên khởi, trải qua một tầng kỳ là hữu lậu kia. Nhập địa trở lên nói là vô lậu. Do chẳng phải hạt giống, nên không so với quả Phật. So sánh gần gia hạnh có nghĩa tương sinh, để nói về Trì.

Pháp sư Thái nói: “chủng tánh đầu tiên là đối tượng nương tựa của tâm Bồ-đề. Chủng tánh kia kiến tập tâm Bồ-đề, tánh chủng tánh là vì chỗ nương tựa, nên có kham nhận. Do tập chủng tánh là kiến lập nên có thế lực lớn, cho nên là chủng tánh trì. Vì tâm Bồ-đề có thể được Bồ-đề, nên có tánh kham nhận. Hai thứ chủng tánh có thể là tánh kham nhận Bồ-đề, cho nên, từ quả được tên, gọi là tánh kham nhận.

Phát tâm thứ hai do hai tánh khởi từ nghĩa chủng tánh sinh đối với hành phương tiện là đối tượng nương tựa. Từ nghĩa tập chủng tánh, đối với hành phương tiện là nhân Kiến lập, nhưng Thí, giới v.v... ở Thập Tín trước, gọi là thí v.v... ở trên Thập Tín, gọi là Ba-la-mật. Sơ địa trở lên, gọi là hai tư lương. Tứ địa trở lên, gọi là Bồ-đề phần. Do nghĩa này, nên Luận Chủ mới nêu lại. Cũng có thể y cứ ở nghĩa đồng thời để nói tên riêng, vì đối trị gần sáu thứ che lấp; vì muốn trèo lên bờ bên kia; vì nuôi lớn phước, trí và vì dẫn sinh Bồ-đề.

Gia hạnh thứ ba, từ nghĩa chủng tánh sinh, đối với Đại Bồ-đề là đối tượng nương tựa. Từ nghĩa tập chủng sinh, đối với Đại Bồ-đề là nhân kiến lập. Nên có thể viên mãn Vô thượng Đại giác. Nhưng pháp Bồ-đề phần, đối tượng nương tựa kia, là chủ thể Trì Bồ-đề, nên từ quả đặt tên. Đã viên mãn Bồ-đề Trì, nhậm vận không có chủng tánh Bồ-đề-già-la, cho đến quyết định không kham nhận viên mãn Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề v.v... Nghĩa là nêu lên kém, để so sánh với hơn.”

Pháp sư Cảnh hỏi: “Đã không có chủng tánh, làm sao phát tâm thực hành gia hạnh v.v...? Có ba giải thích:

1/ Đây là giả thiết nói. Người không có chủng tánh, dù cho gặp bạn lành, phát tâm tu hành, cũng không thể chứng Vô thượng Bồ-đề, huống chi không phát tâm tu hành v.v...

2/ Người không có chủng tánh dù cho từ hạt giống lành phước phần phát tâm tu hành nhưng vì là hữu lậu nên cuối cùng cũng không được Vô thượng Bồ-đề.



3/ Giải thích: “Đây là y cứ Nhị thừa, không có chủng tánh Đại thừa. Dù cho từ chủng tánh vô lậu của nhị thừa, phát tâm nhị thừa siêng năng tu gia hạnh của Nhị thừa chẳng nữa, chung quy vẫn không được Vô thượng Bồ-đề.”

Pháp sư Thái nói: “ Y cứ ở người không có chủng tánh Đại thừa và tánh quyết định của Nhị thừa mà nói.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “có ba giải thích: Giả thiết để luận là thuyết thứ nhất. Quyết định chủng tánh của Nhị thừa cũng gọi là không có chủng tánh Đại thừa. Dù rằng thuận theo phát tâm Bồ-đề, cũng không thể gán vác, nên nói “dù phát tâm v.v... là giải thích thứ hai.

Tức người không có tánh pháp nhĩ (tự nhiên) thật sự, dù phát tâm rất ráo, thối lui, vẫn không thể được vô thượng Bồ-đề kia, đây là thuyết thứ ba”.

Hỏi: Phát tâm Bồ-đề chẳng vì mong cầu quả của thế gian. Tâm hiện hạnh này từ hạt giống nào sinh?”

Giải thích: “Từ chủng tánh thiện của phần phước sinh, chẳng phải không có chủng tánh vô lậu, vì không có phương tiện vô lậu tuệ, nên luận nói: “Chỉ do gốc lành của người, trời mà thành tựu chủng tánh v.v... ”. Lại, chủng tánh này đã gọi là Trì v.v... nghĩa là cũng gọi là chủng tánh, phát tâm; giúp cho gia hạnh, cho đến nhà cửa chủng tánh, nhà cửa phát tâm, nhà cửa gia hạnh”.

Pháp sư Thái nói: Theo Thích Luận, có hai giải thích;

1/ Giải thích về sát tên gọi như giúp, v.v... đều là tên khác của Trì, không còn tên nào khác.

2/ Giải thích về nghĩa cũng có khác. Vì quả “năng trì”, nên gọi là trì, vì giúp cho quả nối tiếp dừng lại, nên gọi là giúp. Vì chủ thể sinh quả, nên gọi là nhân. Vì làm chỗ nương tựa cho quả, nên gọi là y. Vì quả tùy theo trì, nên gọi là giai cấp. Vì hạnh ở trước quả, nên gọi là tiền đạo. Vì chỗ ở của quả, nên gọi là nhà cửa.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vì giúp cho thành quả; vì chủ thể sinh quả; vì nương tựa mà được quả, vì tùy theo từ địa vị; vì dẫn dắt sinh trí, vì gồm thâu, chứa giữ quả. Như thứ lớp đó, phối hợp giúp đỡ Nhân v.v...”

Hỏi: “Sở hành và gia hạnh khác nhau thế nào?”

Nói về pháp tâm trì gọi là gia hạnh. Nay, ở đây lại gọi là “sở hành” gia hạnh, giải thích: “Sở hành”, năng hành (đối tượng hành, chủ thể hành) đều khác nhau. Hành của đối tượng hành, là pháp Bồ-đề phần. Hành của chủ thể hành, là phát tâm của người kia. Vì thế, nên, ở trước phát tâm gọi là Gia hạnh. Nay ở đây y cứ ở phần pháp Bồ-đề trong

văn, là hai thứ “sở hành, gia hạnh khác nhau.”

Từ trên đến đây, nói lược về ba Trì xong, từ đây trở xuống, là nói rộng:

Như thế đứng đầu của Phẩm chủng tánh, phẩm Chủng Tánh trong đây, tức giải thích là chủng tánh Trì. Phẩm phát tâm thứ hai, giải thích là phẩm tâm Trì. Ba phẩm sau, về sau, có mười sáu phẩm, đều là Hành phương tiện Trì.

Trong phẩm Chủng tánh có hai:

1/ Chính nói về tướng của chủng tánh.

2/ Từ chủng tánh Bồ-tát, cho đến chưa vì tự pháp trái nhau.

“Bốn Tùy phiền não” trở xuống, là tùy theo nghĩa phân biệt.

Theo hệ thống xưa, văn này đầu tiên là tự phần; sau là Thắng Tấn.

Trong phần trước lại có ba:

1/ Nói về thể của chủng tánh. 2/

Nói về tướng của chủng tánh.

3/ “Do chủng tánh mà các Bồ-tát đã có, tương ứng với công đức như thế v.v... trở xuống, là tổng kết về tánh tướng.

Trong phần trước lại có bốn:

1- Nói về thể của hai thứ chủng tánh.

2- Giải thích tên gọi.

3- Đối quả nói về thô, tế.

4- Phân tích về Thắng tấn vượt hơn kém.

Lược nói về hai nghĩa của chủng tánh có năm môn:

1- Nói về Thể. Phương Tây có ba thuyết. Nếu theo thuyết của thắng Quân nói, thì không có thể của chủng tánh riêng, chỉ hai thứ chướng trong thân người kia có nghĩa có thể dứt, nói là lập bản tánh. Thời gian sau, gặp thiện tri thức, nghe pháp phát tâm cầu Bồ-đề v.v...

Địa trước huân tập thành có bốn văn huân: trước là từ thiện hữu lậu của phần trước, tu dần thành phần đạo. Phần đạo tu dần, Tăng trưởng hun đúc thành hạt giống vô lậu, gọi là tập chủng tánh, tức sinh trí vô phân biệt v.v... Nếu theo ngài Hộ Nguyệt lập thì có hạt giống vô lậu pháp nhĩ bản hữu làm tánh chủng tánh. Về sau, đối với thập tín, nghe pháp, phát tâm, từ sự giúp phát của tâm hiện hành, khiến hạt giống gốc, càng thêm vượt hơn, tức gọi là tập chủng tánh. Y cứ nghĩa bản hữu, gọi là tánh chủng tánh. Do tu tập tăng trưởng, gọi là chủng tánh tập.

Nói về thời gian sau, lại không mới huân tập thành hạt giống. Theo xưa về nghĩa một thể của hạt giống, nói là Địa tiền thì có hai thứ

chủng tánh, “Nếu theo ngài Hộ pháp thì Địa tiền dù hạt giống gốc giúp dẫn dắt, nghe huân tập hữu lậu kia thêm nhiều như thể chất của mầm gừng v.v... là chủng loại bản hữu thuộc về bản tánh trụ chủng tánh. Đây là Địa tiền không có tự thể của chủng tánh vô lậu, chỉ từ chủng tánh của tánh sinh. Ở sơ địa, niệm đầu tiên là trí vô phân biệt. Trí này khởi xong, liền huân tập thành hạt giống, mới là thể của tập chủng tánh vô lậu.

Nếu nói về chủng tánh hữu lậu, thì Địa tiền đã có.

2/ Được tên gọi là xưa gọi là tánh chủng tánh nay gọi là bản tánh trụ chủng tánh. Xưa gọi là tập chủng tánh, nay chủng tánh do tập thành (Tập sở thành chủng tánh). Trong đây gọi là chung hai thứ chủng tánh, nghĩa là từ số đến nghĩa là danh, gọi là riêng tập tánh, nghĩa là chủng tánh đương thể được tên. Tập chủng tánh từ phương tiện được tên.

3/ Y theo địa vị trước, sau v.v... Pháp sư Cảnh nói: “Nếu theo Hộ Nguyệt, thì nghĩa chủng tánh vốn có, tức ở sơ tâm của Thập tín ở trước. Giúp huân tập chủng tánh, để cho nó càng tăng trưởng, tức gọi là tập chủng. Không có tự thể của tập riêng. Từ Thập Tín trở lên, hai tánh thường có. Dù cho nhập Sơ địa trở lên, cũng không huân tập chủng tánh; luận nói: “Huân, nghĩa là chỉ huân phát chủng tánh xưa, gọi là huân chủng”. Nếu theo ngài Hộ Pháp nói: “Bắt đầu từ thập tín trở xuống và ở địa vị bốn mươi tâm của Địa tiền, là chủng tánh. Lúc ở Địa tiền, dù nghe hữu lậu, huân tập tư chất, phát công năng của chủng tánh gốc tăng trưởng, cũng là chủng loại của bản hữu. Thế nên, được xếp vào chủng tánh. Do trải qua địa trước chưa có hiện hạnh vô lậu huân tập riêng thành hạt giống, nên không có tập chủng tánh ở trước chỉ có nghe hữu lậu huân tập hạt giống, gọi là tập chủng tánh. Nhập địa trở, vô lậu hiện hạnh, huân tập thành hạt giống, tức tự thể của tập tánh vô lậu, về nghĩa ở sau. Pháp sư Cơ giải thích khác. Văn nhập sẽ thuật.

Pháp sư Trắc giải thích có ba nghĩa:

1) Dùng gốc ngọn để luận tánh chủng tánh là trước: Tập chủng tánh là sau.

2) Giúp thành phân biệt, lại giúp lẫn nhau, nên trước, sau không nhất định, nghĩa là do pháp nhĩ, nên có tánh tập; do tánh tập, nên được tăng trưởng.

3) Y cứ vào thật để luận thì không có trước sau, nghĩa là Thập tín trở lên, cho đến ngang Kim Cương đều có hai tánh.

Vì “duyên” thông bát v.v... Bồ-tát Hộ pháp nói: “Hai tánh đối nhau chỉ có duyên tăng thượng”. vì không đồng tánh nên không có

nhân duyên. Vì pháp hạt giống không “duyên” cảnh, nên không có “duyên duyên”. Vì là hạt giống, nên tánh đối với Sơ địa, đầu tiên sinh trí vô phân biệt, có nhân duyên; duyên tăng thượng; không có duyên sở duyên và duyên thứ đệ.

Hai tánh đối với trí hậu đắc có ba duyên, không có duyên thứ đệ. Do hai tánh đối với quả Phật hiện hành đủ ba duyên, trừ thứ đệ “duyên”.

Luận sư Hộ Nguyệt nói: “Hai tánh đối nhau vì đồng thể nên không có bốn duyên. Tánh chủng tánh đối với chánh thể trí của sơ địa có hai duyên; đối với trí hậu đắc có ba duyên; rất dễ hiểu”.

Thắng Quân nói: “Tánh chủng tánh không có tự thể, cho nên không nói. Tập chủng đối với trí vô phân biệt của Sơ địa, có hai giải thích:

a) “Có nhân duyên. Vì sao? Vì đồng là đạo đế.

b) “Chỉ có duyên tăng thượng, như khổ nhân của Tiểu thừa không có nhân tự phần.

Phân biệt đối quả vi Phật. Dựa theo nghĩa của ngài Hộ Pháp, tánh chủng tánh đối với chánh nhân duyên của thân thọ dụng. Đối với hai thân còn lại, chẳng phải chánh nhân duyên. Nếu đối với bốn trí là chánh nhân duyên. Tập chủng tánh đối với ba thân có đủ hai “duyên”, đó là nhân duyên, và duyên tăng thượng.

Đối với tám thức, bốn trí, có hai giải thích:

1) Rằng: “Sơ địa trở lên, có trí bình đẳng tánh và trí Diệu quán sát, vì hun đúc thành tập chủng, nên sinh quả Phật. Đối với hai trí, đối với thức thứ sáu, thứ bảy, được làm ba duyên, trừ duyên thứ đệ. Đối với trí đại viên cảnh và trí thành sở tác, chỉ có hai duyên, đó là duyên sở duyên và duyên tăng thượng.

2) Trí bình đẳng tánh và trí Diệu quán sát, hạt giống đối với bốn trí, tám thức, có đủ ba duyên, trừ duyên thứ đệ.”

Luận sư Hộ Nguyệt nói: “Nghĩa hai tánh đồng thể do đối với bốn trí, tám thức của thân thọ dụng, đều có đủ ba duyên, trừ thứ duyên đệ.”

Luận sư Thắng Quân nói: “trí Bình đẳng tánh, trí Diệu quán sát và huân tập thành hạt giống, nên có thể sinh bốn trí, tám thức của quả Phật”.

Văn nói: “Nghĩa là sáu xứ thù thắng của các Bồ-tát đều có tướng như thế từ đời vô thủy, lần lượt truyền đến sở đắc v.v... pháp nhĩ.”

Pháp sư Cảnh nói các Bồ-tát nghĩa là nêu người có chủng tánh

Đại thừa.

Sáu chỗ thù-thắng, nghĩa là nếu dựa theo giải thích xưa, nghĩa là tự tánh trụ Phật tánh, tức Như-lai-tạng, có công đức nhiều hơn số các sông Hằng không thể tư duy, bàn Luận, không lìa, không thoát, không khát. Thời nay, vẫn đủ sáu nhập công-đức, nên nói sáu nhập thù thắng. Nay, thì không đúng! Sáu xứ, lại là sáu xứ như nhãn này v.v... Nói thù thắng, nghĩa là Thức A-lại-da là ý-xứ kia, thật là thù thắng trong sáu xứ. Ý-xứ thù-thắng là đối tượng nương tựa của Tánh chủng tánh.

Nói “Có tướng như thế”, nghĩa là phát ra thể của chủng tánh “năng y”. Vì Chủng-tánh Đại-thừa này xưa nay là có, nên nói “từ đời vô thỉ”. Thể là hữu-vi, nương tựa vào A-lại-da, tiếp nối nhau đến nay, nên nói: “xoay vần truyền đến”. Vì không do huân tập thành, nên nói “Pháp nhĩ” đạt được.

Lại giải-thích: “Thể của Tánh chủng-tánh nương tựa chung sáu xứ thân trong của Bồ-tát, nên nói “Sáu xứ”. Dù vậy, cũng dựa vào sáu xứ thân ngoài, nhưng chẳng phải hữu-tình, vì thị, phi không nhất định, chỉ nói sáu xứ trong.

Nói thù thắng, nghĩa là chính ra Thể của chủng-tánh. “Có tướng như thế v.v...” Trở xuống, là phân-biệt lại, phân biệt như trước. Ở đây, dựa theo ngài Tam-Tạng tạo nên hai giải thích này”.

Lại có người giải thích: “Dù lại nương tựa chung sáu xứ trong, ngoài, nhưng vì không quá sáu, nên chỉ nói sáu xứ. Về nghĩa còn lại, như trước đã nói.

Tập chủng-tánh, nghĩa là nếu theo giải thích của ngài Thắng-Quân, thì đầu tiên, từ căn lành của phần phước tu-tập dần dần, thành tựu phần đạo, lần lượt tu căn lành cho đến huân, tập thành chủng-tử vô-lậu, gọi là Tập chủng-tánh”. Nếu dựa theo giải-thích của Luận-sư Hộ Nguyệt, thì chủng tánh vốn có. Về sau, nhập Thập Tín, nghe pháp, phát tâm, giúp huân-tập tánh vốn có để cho nó càng tăng-trưởng, gọi là Tập chủng-tánh.”

Nếu theo ngài Hộ-Pháp thì chủng-tánh, loại tư-chất truyền đi kia ngày càng thêm nhiều; chỉ gọi là chủng tánh. Hiện hạnh vô lậu vì huân-tập riêng thành chủng-tánh, nên gọi là Tập chủng.

Đạo, nghĩa là gốc lành của Tập quán ở trước đã được.

Pháp-Sư Thối nói: “Sáu xứ thù-thắng, là nói lại sáu thuyết của phương Tây:

1/ “Công năng thù-thắng của chủng-tử hữu, vô lậu bám vào sáu xứ, là vì thuộc về sáu xứ.

2/ “Chủng-tử của hai chướng bám ở sáu xứ, là thuộc về sáu xứ. Chủng-tử của hai chướng này, tất nhiên là có thể dứt nên gọi là Thù thắng.

Hai thuyết trên đây dựa vào môn Tùy-chuyển lý. Nếu y cứ môn chân thật lý, thì chỉ chủng-tử hữu lậu, vô lậu trong xứ thứ sáu, hoặc là nghĩa có thể dứt của hai chướng. Y cứ ở số lớn để nói, nói chung là sáu xứ.

3/ “Trong sáu xứ có xứ thù-thắng, cái gọi là Ý-xứ, thù thắng trong Ý-xứ, nghĩa là ý thứ sáu, thù thắng trong ý thứ sáu. Là chủng tử vô lậu; hoặc hạt giống của hai chướng có thể dứt. Đây là nêu thể lấy dụng.”

4/ “Thức thứ tám có tướng phần, kiết phần. Năm xứ như nhãn v.v... là tướng phần, kiến phần của A-lại-da là tướng sáu ở giữa. Sáu xứ này đều là tướng phần kiến. Phần của bản thức.”

Trong phần tự thể sở y của tướng, phần kiến phần này này có công năng thù thắng của hạt giống vô lậu. Hoặc công năng của hạt giống có thể dứt hai chướng. Trong phần nêu tướng làm rõ thể này đã đã có công năng cao siêu. Hoặc hạt giống của hai chướng có thể dứt công năng, đây là nêu tất cả công năng thù thắng trong thể hiển bày nhau.”

5/ “Trong thức thứ tám, có công năng thù thắng của hạt giống sáu xứ vô lậu nhãn v.v... cũng có hạt giống vô lậu của sáu xứ như sắc v.v... Đây là y cứ ở mặt mạnh mẽ mà nói, nên chỉ nói sáu xứ, không nói mười hai xứ.”

6/ “Thật có hạt giống của mười hai xứ vô lậu, vì không quá sáu, nên chỉ nói là sáu, như cây bảy lá. Các Luận sư phương Tây đốt nhiều, vẫn còn khác. Vốn có hạt giống vô lậu là thù thắng.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tập chủng tánh của chủng tánh bản hữu, như ba nghĩa mới, cũ, tùy theo sự thích ứng mà lập.”

Có người nói: “Bồ-tát Hộ Pháp lấy Địa trên gọi tập là không đúng. Vì thập Tín của Địa trước tức sinh hạt giống vô lậu. Khi sinh hạt giống đó, được gọi là Tập chủng tánh, tùy tăng nói là sinh.” Khác với nghĩa của Luận sư Hộ Nguyệt, chỉ chủng tánh gốc của Luận sư Thắng Quân, dùng nghĩa có thể dứt chướng sở tri để lập, tức khi Thập Tín lấy hạt giống của văn, tư v.v... hữu lậu”.

Hỏi: “Sinh kiến đạo là gì?”

Giải thích có hai nghĩa:

1/ Pháp thế Đệ nhất làm duyên tăng thượng cho khổ, pháp trí nhãn, sinh ra khổ, pháp trí nhãn. Trong hữu vi chỉ có một vô lậu này không từ nhân duyên sinh.

2/ Hoặc dùng Pháp Thế đệ nhất làm nhân duyên sinh, quán tập nhiều thời gian, chướng sở tri có thể dứt.

Thiện hữu lậu hơn hết. Vì nghĩa hơn hết, nên được làm nhân duyên phát sinh, khổ, pháp nhãn. Đây là ý của Luận sư dùng làm nhân duyên, tức như giải thích ở sau.

Luận sư ở trước đã lập nghĩa duyên tăng thượng sinh, tức vì xưa đã truyền lại. Vì muốn phân biệt một nghĩa, nên tạo ra lập này. Trên ý muốn ấy, chỉ có nghĩa của Bồ-tát Hộ Pháp”.

Có người nói: “Bồ-tát Hộ Pháp nói thời gian Thập Tín chưa có hạt giống riêng là không đúng! Vì, như kinh Nhân Vương nói có khác nhau: Địa tiền có ba tâm:

- 1- Tín tâm.
- 2- Trụ tâm.
- 3- Kiên tâm.

Trong địa vị Tín, gọi là tập chủng tánh. Trụ: tức hai mươi tâm là Thập giải, Thập hạnh hợp Hành Trụ tâm, Kiên tâm, tức Thập hồi hướng tâm.

Phương Tây đã tìm hỏi kinh kia, chưa nghe có bản nào. Dù vậy, nay vẫn hội nhập Như ý của kinh kia nói chung chủng tánh là rất nhiều tánh, tức kinh kia nói: “Tập chủng tánh”, nghĩa là ở Tín tâm, tức địa vị Thập tín.

Tánh chủng tánh, nghĩa là ở Trụ tâm. Trụ tâm kinh ấy nói tức là Thập giải, Thập hạnh. Thập giải, Thập hạnh, gọi là tánh chủng tánh”.

Hỏi: “Vì sao kinh ấy trước nói về chủng tánh, sau, nói về bản tánh.

Giải thích: “Khi mới tu tập, gọi là Tánh tập. Về sau, tập đã thành tánh, gọi là tánh chủng tánh. Chính vì thế, nên nói trước, sau ở đây, chẳng phải như nghĩa của luận này”.

Hỏi: “Vì sao kinh Nhân Vương kia kết hợp hai mươi tâm thành Thập trụ? Trong khi Hoa Nghiêm v.v... thì chia ra hai mươi tâm ư?

Giải thích: “Vì phân biệt trước, sau. Vì ở trước mới phát sinh Tín tăng Thượng, nên phân biệt khác với trước. Vì đã không gần gũi (tiếp cận). Kiến đạo ban đầu, nên hợp hai mươi tâm, chỉ gọi là một trụ. Đó là lý do kinh ấy nói Thập Hồi Hướng là Địa chủng tánh. Gần gũi Kiến đạo, là đạo vô lậu. Từ kiến đạo trở đi, gọi là hạnh chủng tánh, đó là ý của kinh kia. Nay ý của luận này, về mặt lý, tất nhiên không thích hợp, vì tánh đều khác nhau.

Hai thứ ý nghĩa trong đây đều lấy. Nghĩa là nếu theo luận Địa Trì

bản cựu dịch thì sẽ không có văn này. Nay, Ngài Tam Tạng dựa theo bản Phạm nói đủ văn này. Ở đây gồm thâu chung hai tánh làm chủng tánh Trì, cho nên nói “hai thứ đều lấy”.

Trong giải thích tên khác, có hai thứ chủng tánh, vì chủ thể (khả năng) sinh quả, nên gọi là chủng tử; vì chủ thể (công năng) giữ chắc quả, nên gọi là giới chủng loại của tánh công đức nhiều như số cát sông Hằng, nên gọi là tánh.

Trong phần nói về thô, tế, Luận Địa Trì bản cựu dịch nói: “Lại nữa, không tập, nghĩa là quả tế, quả xa; còn tập thì quả thô, quả gần”.

Người xưa có nói: “Chủng tánh vô vi, chẳng phải là pháp tu tập, nên nói “không tập”. Là danh bất tướng, nên nói “quả tế”; chẳng phải gần với ý suy lường, nên nói quả xa. “Vì tập chủng hữu vi là pháp đáng tu, nên gọi là Tập. Vì có danh, có tướng, nên đạo quả thô. Vì tình ý có thể phỏng theo, nên nói quả gần.”

Có thuyết nói: “Ở trước có tập chủng, chủ thể chứng, gọi là thô, gọi là gần. Về sau, có chủng tánh, đối tượng chứng, gọi là tế, gọi là xa. Nay đối tượng phiên dịch hoàn toàn khác với xưa. Ý văn chỉ y cứ ở tánh chủng tánh để giải thích.”

Ngài Tam Tạng nói: “Lại, chủng tánh này khi chưa thành lập quả, gọi là Tế. Nghĩa là quả của chủng tánh chưa tập, gọi là Tế. Nếu quả đó đã thành tập chủng tánh, thì tức là thô. Vì sao?”

Vì từ khi phát tâm trở lên, do tập chủng tánh, nên ngày càng tăng dần, vì chuyển biến rõ ràng, nên gọi là thô”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ngài Thắng Quân v.v... giải thích: “Chưa phát tâm Bồ-đề, chưa tập quả của chủng tánh, gọi là tế, vì chưa có quả tập chủng tánh, nên khi phát tâm trở lên đã có quả của tập, vì đều hoạt động với quả của tập chủng tánh, nên gọi là Thô,”

Trong nghĩa của Luận sư Hộ Nguyệt cũng có hai thuyết:

1/ Giải thích: “chủng tánh của bản-tánh chưa có Tập thành, Địa tiền hữu lậu khi hiện hành quả, gọi là tế; lúc thành tựu quả hữu lậu, gọi là thô. Vì đều có với tâm hiện tại, nên là tức duyên Tăng thượng vô-lậu của bản hữu, nên là quả của Phát tâm Bồ-đề.

2/ Hai thứ Tánh, tập của Địa tiền chưa có tập thành. Dạng Địa trở lên là quả của tâm vô-lậu, gọi là Tế. Nếu thành Tâm vô lậu, mới gọi là Thô, vì đều có với tâm vô lậu”.

Về nghĩa của Ngài Hộ Pháp cũng có hai thuyết:

1/ Nói: “Tập chủng-tánh chưa Tập thành, khi sinh quả của hạt giống, gọi là tế. Nếu khi đã Tập thành quả của hạt giống mới, thì gọi là



thô, vì đều cùng có với quả của hạt giống mới”.

2/ Giải Thích: “Về nghĩa, đồng với Luận-sư Hộ-Nguyệt, ở sau, sẽ giải thích.

Pháp sư Khuy Cơ nói ở đây lấy Thập tín, đầu tiên huân-tập hạt giống vô lậu, vì tăng gấp bội, nên nói là Thô, tế, chẳng phải là địa vị khác, thì sao gọi là đều có?”

Như nghĩa của Bồ-tát Hộ Pháp, lại thành chủng tử riêng : Chủng tử mới sinh và chủng tử cũ, đều có thể giải thích như ở đây. Như nghĩa của Luận sư Hộ-Nguyệt, chỉ giúp cho chủng tử cũ Tăng, tức nghĩa chủng tử mới tăng trong đương niệm. Nghĩa của chủng-tử từ xưa đến nay, được nói là Nhân, nên nói “Câu” (đều có).

Lại, niệm trước so với niệm sau, nhân diệt, quả sinh khác sát-na, nhưng chính vì nhân có, nên sinh ra quả kia, nên nói là “Câu”. Như nghĩa của Luận-sư Thắng-Quân: Hạt giống của pháp thiện hữu từ vô thỉ, gọi là Nhân. Lúc đầu tiên, Thập tín nhờ “Duyên” với giáo pháp vô lậu, huân Tập thành Hạt giống mới, hạt giống này là quả, hạt giống vô thỉ là Nhân. Vì Nhân, quả đồng thời nên nói là “Câu”.

Trong phần nói về hơn, vượt qua kém thì trước hẹp, sau rộng.

Nói: “Nếu các Bồ-tát cho đến Người vô-thượng hơn hết”:Pháp sư Cảnh nói chỉ thành Nhân của chủng-tánh Đại thừa, là đã vượt qua quả của Nhị thừa, hưởng chi tất cả hữu tình không có chủng-tánh. Nếu dựa vào thuyết của sư Luận Khởi Tín nói: “Tất cả chúng sinh khi khởi phiền não, thì kèm theo tánh vô-lậu giải, tất cả huân-Tập thành chủng-Tánh của Đại-thừa thì sẽ không có sự hơn, kém của Ba thừa, cũng sẽ không có sự khác nhau giữa “có tánh”, và “Không có tánh”, làm sao được thuận với văn này? Trước khi phát tâm, chỉ thành chủng tánh mà còn vượt qua Nhị thừa, hưởng chi tất cả người không có chủng tánh khác”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Thập Tín trở xuống, thành tự tánh Bồ-tát, còn vượt qua bậc Hữu học, Vô-Học của Nhị Thừa, hưởng chi tất cả Phạm-phu khác kia. Vì sao? Vì tất Cả hữu tình đều có hai chướng. Nhưng, từ vô thỉ đến nay, bảy phương tiện trước thành-tự hạt giống của Nhị thừa, vì còn có chướng phiền não có thể dứt trừ, chỉ có thể chứng phiền não chướng Sở-Tri chướng thanh tịnh xong, vì không thể dứt trừ, nên không được Chướng Sở tri thanh tịnh . Nhưng, phiền não chướng có nặng, có nhẹ, vì căn có lợi, độn, cho nên Nhị Thừa có khác. Nếu Thành-tự chủng-tử của Bồ-tát, thì từ Vô-thủy đến nay, Thập-tín trở xuống, với hai chướng vì quyết-định sẽ có thể dứt trừ, nên so với bốn thứ kia, là vô-thượng hơn hết, tức vì có chướng, không có chướng trong cảnh Chân-

như của Quyết-trạch phần, nên lập nghĩa của năm chủng-tánh không có khác nhau. (Như Luận kia sẽ giải thích).

Nay, giải thích: Về điều mà Pháp -Sư Cảnh nghi ngờ: Luận Khởi Tín y cứ vào sự Huân tập không tư duy bàn luận về nghĩa Chân-như thọ (Tiếp nhận) Huân tập. Du-già thì y cứ ở sự huân-tập có thể nghĩ bàn về nghĩa thọ Huân tập của A-lại-da. (Nghĩa thọ huân A-lại-da của sự huân-tập không thể tư duy bàn luận), Vì mỗi pháp-môn đều khác, không thể một y cứ.

“Vì sao v.v...” trở xuống, là hỏi đáp nói rộng. Đại ý hỏi: “Cả ba thừa đồng ngồi giường giải thoát. Vì sao chủng tánh Bồ-tát ở phàm phu lại vượt hơn nhị thừa? Trong phần đáp có hai:

1/ Y cứ ở hai chương đều hết, để nói vượt qua Tiểu thừa.

2/ Dựa vào bốn việc để nói vượt hơn Tiểu thừa.

Hai chương: nói lược về Thể của hai chương kia có bốn lớp:

1- Y cứ năm lớp để nói về thể, cũng bốn trụ Địa là chương phiên não ; vô minh trụ Địa là chương sở tri .

2- Y cứ hai chấp Nhân, Pháp. Ngài Tam Tạng nói: “Chỉ lấy chấp ngã làm Nhân chấp, bởi vì ngoài các “hoặc” đều chẳng phải nhân chấp. Nếu vì giống với “Nhân chấp”, nên gọi là chung “Nhân chấp”, thì về nghĩa cũng không có sai sót. Nếu lấy “Pháp chấp” so với chương sở tri, sẽ có hai cách giải thích:

a) “Chương Sở tri rộng; pháp chấp hẹp, vì sao? Vì không có biết trong sự, chẳng phải pháp chấp.

b) “Pháp chấp ngang bằng với Chương Sở tri, không có rộng, hẹp. Ý Ngài Tam Tạng cho cách giải thích sau là hơn.

3/ Y cứ bảy thức để phân biệt: Năm thức chỉ khởi chương phiên não, là vì hiện tượng, nên chẳng phải chương Sở tri . Ý thức đều cùng khởi hai chương. Mạt-na thì không nhất định. Một cách giải thích khác nói: Mạt-na chỉ có “hoặc chương”.

Ngài Tam Tạng nói: “Nếu Mạt-na không có pháp chấp Chương Sở tri thì phần lớn sẽ có trở ngại khó khăn. Như Du-già nói là Lại-da rất ít, tất nhiên, đều hiện hạnh với một thức. Như người hữu học, Vô học của Nhị thừa kia nhập Diệt Định không có Mạt-na, nghĩa là một thời gian, Lại-da chỉ riêng một thức không được nói là rất ít mà là hai thức đều hiện hành.

Lại, quyển bảy mươi tám chép: “Tám Địa trở đi, tất cả phiên não đều không hiện hành, chỉ có chương Sở tri là chỗ nương tựa. Bát Địa trở lên, khi ý thức nhập Nhân không quán, Mạt-na liền khởi Pháp

chấp, gọi là có chướng Sở tri, cho nên, hai thức thứ sáu, bảy đều khởi hai chướng.

4/ Y cứ ở ba tánh để phân biệt, chướng phiền não, nghĩa là chỉ có bất thiện và ẩn một vô ký. Chướng Sở tri, nghĩa là phương Tây có ba giải thích không đồng.

1/ “Chỉ ô nhiễm”.

2/ “Có cả hai tánh”.

3/ Có cả ba tánh’.

Ý Ngài Tam Tạng là hai tánh, trừ thiện. Luận Phật Địa nói: “Phần nhiều còn pháp chấp, là tánh vô ký. Duy Thức quyển chín nói có cả hai tánh. Kế là nói trong tri đoạn chướng phiền não. Nếu kiến đoạn, là dứt trong Sơ địa. Tu sở đoạn, nghĩa là có ba phẩm kia. Hai phẩm thượng, trung, thì sơ địa đã chế phục, rốt ráo không hiện hành. Phiền não phẩm hạ, thất địa trở xuống vẫn còn khởi.

Luận Phật Địa chép: “Nếu Ngũ, Lục, Thất Địa không có thức Mạt-na , lẽ ra không được khởi phiền não của sáu thức. Bát Địa trở lên, phẩm hạ cũng chế phục. Phẩm trụ ở dưới nói: “Lỗi của ba xứ hai chướng:

1/ Phiền não ở đường ác thô nặng, ở Sơ địa dứt.

2/ Phiền não thô nặng, một bề chướng Vô sinh pháp nhẫn, địa thứ tám dứt.

3/ Tất cả phiền não, tập khí, Tùy miên, thô nặng, thì địa thứ mười dứt, nghĩa là đạo lý tu dứt phiền não, đến tâm Kim Cương, nhất thời dứt ngay, mà nói bát địa dứt, là y cứ bát Địa, chế phục hẳn không hiện hành. Nói chế phục là trong dứt chướng Sở tri. Nếu Kiến đoạn là sơ địa đoạn. Nếu tu đoạn thì Nhị địa trở lên, niệm niệm dứt dần, đến Kim Cương mới hết. Nhưng trong phẩm Trụ, nói lỗi thứ ba của chướng phiền não , nghĩa là tối thượng thành tựu viên mãn. Trụ đoạn của Bồ-tát, là y cứ đạo Vô gián để nói.

Lỗi thứ ba trong chướng Sở tri. Nghĩa là Như lai trụ mới dứt, là y theo đạo Giải thoát để nói, tức pháp môn ảnh lược.

Nói tất cả chủng tánh của Thanh văn, Độc giác đều chỉ có thể chứng, phiền não chướng, thanh tịnh v.v...”

Hỏi: “Vì sao trong lập Tông trước nói rằng: “Chủng tánh của Bồ-tát còn vượt hơn tất cả Thanh văn, Độc giác v.v... ?”

Trong phần giải thích dưới đây nói: “Chủng tánh Thanh văn v.v... chỉ chứng, chướng phiền não, tịnh. Chủng tánh Bồ-tát sẽ chứng, thanh tịnh hai chướng. Văn này thì nói là vượt qua nhân Nhị thừa, vì sao trước,

sau trái nhau?”

Giải thích: “Vì đây là ảnh lược làm rõ lẫn nhau, cũng không ngăn ngại: Cũng có thể nêu chủng tánh để nói về quả, vì không muốn nói về chủng tánh.

Hạnh vượt hơn trong bốn sự vượt hơn, nghĩa là Bồ-tát có hai hạnh lợi ích khác nhau để cho được nhân thiện của thế gian, gọi là lợi ích, khiến được quả thiện thế gian, gọi là an lạc. Nhiếp luận chép: khiến cho được vui xuất thế gọi là lợi ích, khiến được vui thế gian, gọi là an lạc.

Nay, ở đây nói chung về lợi lạc thế gian, đây là chung cho cả năm đường.

Thương xót trở xuống, là khiến cho người, trời kia dứt được nghĩa v.v... thù thắng. Nghĩa là vì đạo khí của người, trời có thể thọ thắng nghĩa vô lậu xuất thế gian.

Trong thiện xảo vượt hơn, ở đây chỉ nói năm thứ, ở chỗ khác “”hoặc” cũng thêm Đế, hoặc xứ, nói về bảy gia căn v.v... Nhị thừa chỉ phân biệt thiện xảo trong duyên khởi xứ, phi xứ, đối với uẩn, giới, xứ. Không thể thông suốt thiện xảo như năm minh xứ v.v... Bồ-tát thì không như thế, mà đối với tất cả xứ đều được thiện xảo, vì vượt hơn trong thiện xảo đối với nhị thừa.

Thứ hai, trong phần nói về tướng của chủng tánh, Văn chia làm ba:

1/ Nêu tóm tắt cương yếu.

2/ Tùy giải thích riêng.

3/ Tổng kết.

Trong phần trước Pháp sư Cảnh nói: “Pháp nhĩ vốn có hạt giống vô lậu, là thể của chủng tánh. Nương vào hạt giống này để tu hành sáu Độ, nói lên Bồ-tát có Thể của chủng tánh, gọi là tướng của chủng tánh.

Thể tánh của sáu độ: Nghĩa là pháp thí, tài thí thì dùng thiện căn Vô tham tương ứng với nghiệp Tư và phát ra thân, ngữ khởi chung năm uẩn làm Thể.

Vô úy thí. Tức là dùng thiện căn vô sân tương ứng với năm uẩn như Tư v.v... làm thể. Nếu y cứ ở nghĩa Đàn gồm sáu, thì dùng ba thiện căn để phát ra tất cả pháp lành của ba nghiệp để làm Thể.

Thí, Giới có ba nhóm thì dùng tất cả pháp lành làm thể, trong nhân, nhân người khác không lợi ích, nhân dùng vô sân làm thể.

An thọ khổ nhẫn. Ngài Tam Tạng nói: “Tinh tấn làm tánh, cũng có thể dùng Trí để suy ra nghiệp, nên có thể an nhẫn, tức lấy trí làm tánh.

Pháp nhãn, tư duy giải nhãn, trí tuệ làm tánh, đồng thời khởi chung, cũng lấy năm uẩn làm thể. Nếu lấy ba nghiệp “câu sinh” thì năm uẩn này đều là tinh tấn. Tĩnh lực dùng số định trong Biệt cảnh làm Thể. Nhân định mà sinh pháp môn công đức, đều gọi là tĩnh lực, tuệ, dùng số tuệ trong Biệt cảnh làm thể.

Bốn độ sau trong mười Ba-la-mật là trí “duyên” tục . Bát nhã thứ sáu là trí “duyên” lý. Nếu chỉ lập sáu độ, thì trong độ thứ sáu có cả chân tục.”

Pháp sư Thái nói: “Từ Vô thí đến nay, đã thực hành thí v.v... dù chẳng phải Mật-đa, mà là tướng Mật-đa. Do tướng này nên khiến cho người khác so sánh biết được trong thân thật sự có chủng tánh Bồ-tát.

Tuy theo văn trong giải thích riêng tức là sáu. Căn cứ trong phần nói về Thí có ba:

- 1/ Gạn hỏi phát khởi.
- 2/ Chính giải thích.
- 3/ Tổng kết.

Trong văn chánh giải thích, gồm có hai:

- 1/ Nói về ba thí.
- 2/ Chia ra sáu câu.
  - Trong phần trước lại có hai:
    - a) Nói về bản tánh ưa thí của Bồ-tát.
    - b) Đối với Cảnh có khả năng thực hành.

Năng thực hành lại có ba:

- 1/ Nói về tài thí.
- 2/ Nói về pháp thí.
- 3/ Vô úy thí.

Trong văn Tài thí, trước, nói về ruộng Bi thực hành thí; sau, nói về ruộng Kính thực hành thí.

Trong Bi thí, trước nói về hữu tài thí, sau, nói về vô tài thí.

Trong hữu Tài, trước là nói về đa tài thí.

“Của vật dù ít v.v... ” trở xuống, là nói về ít tài thí. Có ba thời tâm tịnh trong đa Tài thí. Trước khi thí tâm vui ; lúc đang thí tâm vui; sau khi thí không hối tiếc, Vật nhiều cho ơn khắp, vật ít giúp cho kẻ nghèo.

Nói không có đối tượng tuệ thí, ôm lòng xấu hổ sâu sắc, vì người khác khen thí v.v... là không có tài thí. Về ruộng kính rất dễ hiểu.

Kế là, nói về pháp thí. Đối với những người kia ở đời này, đời khác v.v... nghĩa là lìa hạnh ác trong ba đời kia, làm người bạn không cầu thỉnh trong việc thiện, với lòng từ thường nói pháp v.v...” trở xuống,

là nói về Vô úy thí (Thí cho không sợ). Nếu các hữu tình sợ hãi về vương tặc, tai nạn hữu tình; nước, lửa v.v... là tai nạn vô tình.”

Từ đây trở xuống, là sáu câu phân biệt thọ lãnh vật của người, chưa hề sai trái v.v... thứ nhất có niềm tin.

“Đối với của cải chung” trở xuống, là thứ hai, có nghĩa.

“Đối với các thứ Mạt-ni v.v...” trở xuống, là thứ ba, nói về sự ngay thẳng.

Văn luận Địa Trì bản dịch xưa nói về không tham, cách hành văn hoàn toàn khác nhau.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ý trong đây nói rằng, con người có các thứ của báu, tâm họ mê muội, trái ngược, nên không thể thu thập, không thể che chở, giữ gìn trước là đem gởi nhờ người khác, vì tâm mê mờ trái ngược, nên không thể ghi nhớ. Bồ-tát có khả năng khai ngộ, chưa hề khiến cho người này xem thường người kia, hướng chỉ chính mình làm.

“Tánh người kia ưa thích của cải, địa vị rộng lớn v.v...” trở xuống, là thứ tư, nói về tánh rộng lớn. Pháp sư Khuy Cơ nói: tâm Bồ-tát rộng lớn, tâm ưa thọ dụng. Chẳng phải ít tài vị, tánh ưa thích tài vị rộng lớn. Do sự nghiệp rộng lớn mà chẳng phải vì nhỏ hẹp. Lại, ở trước đã nói về vật thí cho dù ít mà có thể đều khắp, tuệ thí rộng lớn mà chẳng phải nhỏ hẹp. Nói về tánh ưa thích của cải, địa vị cao cả, có thể đều khắp, sự nghiệp rộng lớn mà chẳng phải hẹp nhỏ, tức khác với văn trước là ưa thích vật, nhiều vật.

“Đối với các thứ rượu, sắc dục của thế gian..” Trở xuống thứ năm, nói đối với năm dục, có thể nhanh chóng nhàm bỏ.

“Được tài bảo rộng lớn v.v...” Trở xuống, là thứ sáu, nói không tham, chấp.

Trong phần nói về giới, đầu tiên, hỏi; kế là, giải thích; sau là kết.

Trong phần giải thích Pháp sư Cảnh nói chia làm hai:

1- Nói về người có chủng tánh, dù cho khởi nghiệp ác, chỉ thành phẩm nhuyến chứ không bạo ác.

2- Nói đối với duyên giới hạnh. Giới có ba nhóm. Trong văn, nói lược về ba nhóm. Đầu tiên là nói mười nghiệp đạo thiện, là giới luật nghi . Kế là, nói về bốn nhiếp là giới nhiếp chúng sinh .”

Luận sư Trắc nói: “Đây là nói về giới nhiếp thiện pháp , trong đó có hai:

1- Nói về giới tánh.

2- “Hoặc thấy, hoặc nghe v.v...” trở xuống, là hiện hành tốt.

Trong phần trước có hai:

1- Hạt giống thành.

2- “Đối với người khác v.v...” trở xuống, là nêu người khác để so sánh với mình.

Nay giải thích. Thế của đoạn văn lớn dựa vào Như. Cảnh Luận sư Nhưng trong đó cũng nói giới Nhiếp thiện pháp, tức tu tất cả pháp lành của mười thiện, bốn nhiếp v.v... gọi là giới Nhiếp thiện pháp, cho nên nói: “Đối với các hữu tình, không làm tổn não, cho đến không sinh vui mừng, là lia quả kia trong nghiệp sát, cũng gọi là tự tánh lia.

Nói: Tay không dùng dao, gậy, cựa đất làm não hại hữu tình là lia nhân ấy. Kinh Thập Địa chép: “Không dùng tâm sát, mà trao dao, gậy cho súc sanh.”

Nói: “Đối với các chúng sinh, tánh thường từ, ái”. Đây là đối trị với lia từ, chủ thể trị ái.

Từ trên đến đây, ba câu là nghiệp bất sát.

Đối với đối tượng nên cung kính, đặc biệt khởi tâm cung kính, cho đến chẳng phải vì người ngu đần, là người kia không trộm. Do kính trọng bậc tôn trưởng, cho đến tu nghiệp hòa kính, nên lia trộm cắp, đây là lia quả.”

Pháp sư Cảnh nói: “Văn này tóm tắt không lia tà dâm trong ba nghiệp của thân, nay giải thích: “Do kính trọng bậc tôn trưởng, tu nghiệp hòa kính, nên lia trộm cắp và tà dâm.

Nói: “Khéo thuận theo tâm người, cho đến trước nó lời thăm hỏi”, đều là lia bốn lỗi của miệng, tức bốn ngữ thiện.

Nói: “Đối với ơn hữu tình v.v...” trở xuống, là nói về nghiệp không tham.

1/ Báo ơn thí.

2/ “Đối với người đến cầu xin v.v...” trở xuống, là thí cho người đến cầu xin, cho đến “Như pháp cầu xin tài vật, không dùng phi pháp, đều là nghiệp đạo không tham. Không dùng sự bạo ngược, nghĩa là nghiệp đạo không sân.

“Tánh thường ưa thích tu các nghiệp phước v.v...” trở xuống, là nói về nghiệp đạo chánh kiến.

“Hoặc thấy, hoặc nghe, cho đến còn hơn tự thọ, là tánh nhân từ, tôn trọng đối với pháp mình đã thọ, tức bốn pháp thọ, nói về sợ nhân ác hiện tại và coi trọng đời sau, là nói về sợ khổ đương lai.

Bốn pháp thọ. Thọ, nghĩa là thọ báo khổ, vui. Vì thọ tức là pháp, nên nói là pháp thọ. Như văn dưới nói: “Như người giàu sang, gây ra

nhiều điều ác, thì hiện vui, sau sẽ khổ. Như người nghèo hèn giữ giới, hiện khổ, sau sẽ vui. Người giàu sang tu thí, giới v.v... thì hiện tại vui, sau cũng vui. Người nghèo khổ mà phá giới, v.v... thì hiện tại khổ, đời sau cũng khổ. Dù có nhiều trường hợp, nhưng đều nói chung về Chánh kiến.

Kế là, nói về giới nhiếp chúng sinh: Pháp sư Cảnh nói: “Nói đối với các việc nên làm là nói về đồng sự, trong đó, việc đúng pháp thì Bồ-tát đồng, việc không đúng pháp, thì Bồ-tát không đồng.

“Khéo ngăn dứt, v.v...” trở xuống, là cho đến tùy sinh, tùy xả, là nói về công hạnh lợi tha kia. Dưới đây, là nói về Ái ngữ, chung cho cả bốn nghiệp lành.

“Khởi tâm hiền, thiện, tôn trọng lời nói thật” trở xuống, là nói về không nói dối. Không lừa tâm khác, là nói không nói hai lưỡi. “Cũng không ưa thích v.v...” trở xuống, là nói không nói lời thù dật. Lời nói thường mềm mỏng, là nói về không nói lời hung dữ. Văn còn lại rất dễ hiểu.

Luận sư Trắc nói: “Phẩm Thí ở sau nói: “không được làm việc mai mối”. Do đây y cứ ở kia. Nay, ở đây, vì ý gì cầu hôn như pháp? Phẩm Thí kia y cứ ở xuất gia, còn ở đây y cứ người ở tại gia. Nay giải thích:

Đây là lược qua không nói về bố thí nhiếp: Trong phần nói về thí độ ở trước đã chỉ bày rõ.

Trong nhẫn chỉ có nhẫn nại sự thù oán, hãm hại.

Trong tinh tấn, trước hỏi, kế là, giải thích; sau kết.

Trong phần giải thích, Pháp sư Cảnh nói”

Trước nói về tánh tự, siêng năng; sau, nói về đối “duyên” hành tinh tấn, trong đó:

1/ Nói về việc tục thì làm vững chắc.

2/ Đối với chân lý, thì tâm không yếu hèn. Trong phần trước có hai:

1- Nói về phương tiện làm việc.

2- “Việc đã làm v.v...” trở xuống là nói nghiệp căn bản.

“Đối với các việc rộng lớn” trở xuống, là thứ hai, trong đối với chân lý không yếu hèn, gồm có ba:

1- Nói về lý, quán không có yếu hèn..

2- “hoặc nhập chúng v.v...” trở xuống, là nói về những chuyện kích bác, bàn bạc v.v... tâm không sợ sệt, do tinh tấn mà thành.

3- “Có thể dẫn v.v...” trở xuống, là nói lấy việc lớn để so sánh với việc nhỏ.”



Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ở đây nói đủ ba thứ:

1- Từ “các Bồ-tát v.v...” trở xuống, cho đến “phương tiện tư duy, lựa chọn, phải khiến cho rõ ràng” là nói về gia hạnh tinh tấn.

2- “Những việc đã làm v.v...” trở xuống, cho đến “lười biếng, bỏ dở, thối lui, chịu khuất” là nói về mặc giáp tinh tấn.

3- “Đối với các sự nghiệp rộng lớn”, cho đến “Huống chi việc nhỏ, là nói tinh tấn, không yếu hèn.

Trong tĩn lự, Pháp sư Cảnh nói: “Trước là tánh xem xét tường tận, không thường tán loạn. Kế là, nói về khả năng tu thiền định, trong đó có hai: Trước, nói về tu thiền, sau nói nương tựa thiền, khởi quả phước, tuệ”.

Trong phần trước lại có hai:

1- Có ba câu nói về phương tiện tu thiền.

2- Một câu sau, chính là nói về phương tiện đắc thiền.

Trong ba câu, câu đầu, nói về chỗ thấy, nghe, tu thiện vượt hơn, nghĩa là nơi núi non, rừng rậm, cho đến thuận theo im lặng. Câu thứ hai “liền nghĩ rằng ” trở xuống, là nói tâm dục từ đó sinh rất luyến mến.

Câu thứ ba “Tánh phiền não mỏng v.v...” trở xuống, là chính ở núi non, đến chỗ xa lìa.

Từ đây trở xuống, là nói về sự chứng đắc thiền. Cái gọi là nghĩa mục tư lương. Tâm không bị nhiều Tầm, Tư khuấy nhiễu. Dưới đây, nói về quả thiền định: Trước nói về quả phước, nghĩa là tu từ bi, tức Bốn vô lượng. Sau nói về quả Trí. “Đối với Phẩm oán kia v.v...” là từ. “Hoặc thấy, nghe v.v...” trở xuống là tu bi”

Hỏi: “Đại thừa đã nói Bồ-tát tu bi, một bề gọi là đại, là cũng có Bi mà chẳng phải Đại ư?”

Giải thích: “Như trong phần nói về công đức nói: “Bi, tức là chung, đại bi, thì không chung, tức biết hai thứ Bi và đại bi đều có đủ.”

Nếu vậy, thì lẽ ra ngoài bốn vô lượng, nên có riêng đại bi. Vì sao vẫn dưới đây, trong tu bốn vô lượng lại nói: “Nếu hỏi ai là Bồ-tát, thì chính nên đáp rằng: “Là người trụ Đại bi”.

Giải thích: “Bồ-tát Sơ học là người chấm dứt phiền não, mượn Tướng để tu, chỉ gọi là Từ, Bi, Hỷ, Xả, không được gọi là Đại. Nếu tu thành tựu, cứu giúp chúng sinh, thì mới được gọi là Đại, đó là Đại Từ; Đại bi; Đại hỷ; Đại xả”.

“Đối với chúng sinh kia, tùy khả năng”.Trở xuống, là nói lại về tu Bi.

Đối với các chúng sinh, tánh tự ưa thí lợi ích, yên vui: là nói lại

về tu từ.

Từ trên đến đây, đã nói về quả của phước. Dưới đây, nói về quả của tuệ. Nghĩa là thân thuộc suy yếu, mất mát, cho đến tư-duy có thể an nhĩn v.v... là do tuệ kia. Tánh của tuệ kia thông minh, đối với pháp có khả năng lãnh thọ, nghĩa là nghe, giữ có khả năng gìn giữ, tư-duy nghĩa là Trì. Thành tựu sức niệm, đối với việc đã làm từ lâu, tự nhớ lại, cũng khiến người khác nhớ lại v.v... đó là Túc Niệm thông.

Do Bồ-tát che chở, bảo cho người khác ghi nhớ, người khác đã có thể ghi nhớ, lại bảo cho người khác lần lượt ghi nhớ, do thế-lực xưa nên được như thế”.

Pháp sư Khuy Cơ nói Ba thứ này bắt đầu từ “Nghĩ rằng, các Bồ-tát v.v... cho đến” và xa lìa đối-tượng sinh sự kính mến sâu rộng”, là nói về phương tiện Tĩnh lự.

“Tánh phiền não mỏng..” trở xuống cho đến “huống chi đối với phẩm thân và phẩm trung dung”, nói về tĩnh lự lợi ích hữu tình.

“Hoặc thấy, hoặc nghe v.v...” Trở xuống là nói về dẫn phát tĩnh lự thân thông.

Đây là giải thích theo Trung luận quyển ba rằng: “Đối với pháp, năng thọ, năng trì, năng tư duy v.v... như luận Thập Địa nói: “Ngài Thế Thân giải thích: “Dùng ba tuệ văn, tư tu, để phối hợp. Văn nghĩa là thọ trì, ghi nhớ tư duy không quên, gọi là tư, tức tư này, năng sinh ra tu, là từ nhân được tên. Tu tuệ, gọi là tư. Đây là ý riêng, lại xét trong tuệ của luận Thập Địa, Pháp sư Cảnh nói: “nói thành “Câu sinh tuệ” nghĩa là sinh đặc tuệ, năng nhập tất cả mình xứ” trở xuống, là nói quán sát thông suốt về cảnh. Thông suốt đầu tiên nói về v.v... sự cảnh xứ v.v...

“Khắp nơi kia kia v.v...” Trở xuống là nói chủ thể thấu suốt lý. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Xem ý trong đây không có nói riêng, mà là dùng cả ba thứ để phối hợp: Tánh không ngang bướng ngu độn; tánh không mê muội và tánh không ngu si.

Ba câu này, được thứ lớp phối hợp với ba tuệ. Các câu trên nói Bồ-tát: “Chỉ có thể thành tựu “câu sinh tuệ”, tức sinh đặc thiện. Cũng có thể nhập tất cả cảnh giới minh Xứ, tức Phương tiện thiện ý của hai câu này là chung. Phối hợp với ba tuệ dưới đây, văn cũng nói chung: Ba tuệ lia lổ, có sức Tư-duy, lựa chọn. Lại, tánh không ngu si, thích ứng với tuệ gia hạnh. Tuệ này có thể nhập tất cả cảnh giới minh xứ, lại thành tựu sinh đặc thiện. tuệ hậu đặc kia, vì khởi ngôn thuyết nên khắp các cảnh giới kia, lia xứ buông lung, có sức tư-duy, lựa chọn.

Tuệ Vô phân biệt kia, vì khác với trước, sau, nên trong đây không

nói lại.

Lại giải thích: Ở đây, nói chung về tuệ của Bồ-tát, chưa hẳn nói riêng về ba tuệ.

Kết rằng nên biết sinh này có thể so sánh đồng với tướng thô của tánh Bồ-tát. Pháp sư Thái nói Ngài Di-lặc tự nói: “Ta là Bồ-tát. Chỉ có thể dùng sự này, so với tướng thô của sự việc mà biết được chủng tánh trong thân hữu tình, còn như quyết định chứng biết, thì chỉ có Phật, Thế tôn rất ráo hiện thấy, Từ thị ta không thể hiện thấy”.

Pháp sư Khuy Cơ nói do tướng của chủng tánh Tế của Bồ-tát khó biết. Nay, do công hạnh so sánh biết được chủng tánh, nên nói là có thể so với tướng thô của chủng tánh Bồ-tát.

Văn ban đầu của đoạn này nói: Do tướng này, nên khiến người khác biết rõ thật là Bồ-tát. Tướng tế kia quyết định nghĩa thật, chỉ có Phật mới biết được. Trong đây, lại suy tìm Đức Phật không nói “Ta cũng không biết”. Người xưa nói: “Ngài Di-lặc không biết là sai lầm! Bởi vì kinh Thiện Giới nói về tướng thô của chủng tánh, ta đã nói tóm tắt. Các nghĩa thật khác, chỉ có Phật mới biết, nghĩa là Thích ca đương lai cũng không biết”. Và chẳng biết tìm kiếm Phật, chẳng phải Ngài Di-lặc không biết, chỉ nói: “Phật biết rất ráo biết, ta biết không rất ráo”.

“Do các Bồ-tát, cho đến còn lại không hợp lý, là thứ ba, tổng kết Tánh tướng.

Pháp sư Cảnh nói do chủng tánh mà các Bồ-tát đã có, nghĩa là thể của chủng tánh.

Tương ứng với công đức như thế, nghĩa là tương ứng với tướng của chủng tánh.

Thành tựu các Pháp bạch tịnh của bậc Hiền, Thiện, nghĩa là tổng kết tướng tánh, gọi là Pháp bạch, tịnh.

Ngài Tam-tạng giải thích: “Do chủng tánh mà các Bồ-tát có tương ứng với công đức như thế, đều là thể của chủng tánh. Trong chủng tánh có hạt giống công đức vượt hơn số cát sông Hằng. Vì sự góp nhóm của Tánh loại, nên nói là tương ứng”.

Nói “Thành tựu các Pháp bạch, tịnh của bậc Hiền, Thiện: nghĩa là tướng của chủng tánh. Chỉ kể là văn dưới đây là thuận với giải thích của ngài Tam-Tạng”.

Có người lại nói cái có chủng tánh, dù nêu chủng tánh mà chưa lấy tánh với công đức như thế, tương ứng với tướng của chủng tánh”.

Thành tựu các pháp bạch, tịnh của bậc Hiền, Thiện, nghĩa là thể của các chủng tánh.

“Cho nên, có thể ngang bằng với”, là kết thành trì nghiệp. Kết hai thứ tánh là nhân của quả Phật, nhân là nghĩa trì.

Sư luận Địa Trì bản cựu dịch nói: “Văn này khen chủng tánh kia hơn hết không thể nghĩ bàn v.v... ấy là không đúng. Nay, nêu chủng tánh đã sinh quả Phật gọi là tối thắng v.v...”

Pháp sư Thái cho rằng chủng tánh vi-tế với tướng của sáu Độ thô, vì nhân cực-vi, nên có thể cho quả của năm mạng khó được v.v... là nhân chứng đắc, thích hợp với chánh đạo lý. Nếu nói hạt giống của Bồ-tát làm nhân chứng cho quả của Nhị thừa khác là không hợp với Chánh lý”.

Từ đây trở xuống, là thứ hai, tùy theo nghĩa phân biệt, trong đó có bốn:

1/ Nói về tướng, xứ của chủng tánh lúc đã có pháp bạch khởi không nhất định.

2/ Nói về Bồ-tát chủng-tánh thọ sinh, không nhất định.

3/ Phân tích pháp bạch trái với bốn tùy-phiền nào.

4/ Nói về chứng Bồ-đề có thời gian chậm, mau.

Đầu tiên nói rằng: “Chủng tánh Bồ-tát, cho đến tánh tương ứng với Pháp bạch như thế”. Pháp sư Cảnh nói Thập Tín trở xuống, Bồ-tát chủng-tánh nếu không khởi bốn tùy phiền não, thì sẽ khởi ở công hạnh thí, giới v.v... hữu lậu, gọi là pháp bạch. Cũng có thể đã nhập Bồ-tát tập chủng của Thập-Tín. Pháp bạch như thế, hoặc khởi, không khởi”.

Pháp sư Thái nói người vốn có chủng-tánh từ vô thủy đến nay, cho đến chưa bị tùy phiền não mê hoặc, không bị nhiễm ô đủ bốn, khả dĩ biểu tướng đều có với pháp bạch. Nếu bị nhiễm ô, thì pháp bạch sẽ không hiển lộ, tức không thể lấy thô để biết có chủng tánh tế”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: Pháp bạch trong đây, nghĩa là sáu độ trước, bốn tùy phiền não, như thứ lớp dưới đây, tự phô bày.

Với chủng tánh vô thủy kia, Bồ-tát chưa bị bốn thứ mê hoặc, không đủ bốn thứ nhiễm ô với chủng tánh tương ứng với sáu độ như thế, hoặc vì bị nhiễm ô bởi bốn tùy, nên pháp bạch không hiện. Trong thọ sinh không nhất định, cái gọi là Bồ-tát chủng-tánh của thập tín trở xuống, gặp duyên tạo ra điều ác, đọa vào đường ác. Dù đọa vào đường ác, nhưng với Nhị thừa khác và người không có chủng tánh đọa vào đường ác, vẫn có nhiều khác nhau, nghĩa là có ba khác nhau:

1/ Tạm thời sinh ra giải thoát nhanh chóng.

2/ Không nhất định khổ thọ mạnh mẽ, nhạy bén.

3/ Xúc chạm khổ vi-tế, tăng thượng chán lìa, xót thương nổi khổ

khác, trong đây, đã nói chỗ lâu là giai đoạn sắp biết địa vị của chúng-tánh ở Thập tín trở xuống.

Hỏi Bồ-tát Thập tín trở xuống, có khi gặp phải bạn ác, đã gây ra năm tội nghịch, chịu khổ trong năm kiếp, thì sao lại được nói là tạm thời sinh, xa lìa nhanh chóng?”

Ngài Tam Tạng giải thích: “Nếu có chúng-tánh Đại thừa, bản-tánh Hiền, Thiện đối với cha, mẹ, sinh tâm yêu mến sâu sắc, không gây ra năm tội nghịch. Do nghiệp ác khác, đọa vào địa ngục, do năng lực chúng-tánh, có thể giải thoát nhanh chóng. Cũng có khi nghiệp mới đọa vào địa ngục kia, không đồng nói rằng nghiệp củ của vi Trần xưa, cũng có thể ở đây y cứ Thập Tín trở lên, Sơ địa trở xuống, Bồ-tát Tập chúng không gây ra năm tội nghịch. Do nghiệp ác khác đọa vào đường dữ, có thể giải thoát nhanh chóng. Nếu Thập Tín trở xuống, thì dù có chúng-tánh, cũng không bỏ gặp duyên gây ra năm tội nghịch, chịu khổ trong nhiều thời gian.

Nói: “Những việc như thế v.v... đều do chúng-tánh đã huân phát nhân đại bi của Phật. Do trong thân Bồ-tát kia có sức huân phát hạt giống Đại bi sẽ thành Phật, nên dù đọa vào đường dữ, vẫn khác nhau với người khác.”

Pháp sư Thái nói: “Người có hạt giống Bồ-tát từ vô thủy đến nay, do gây ra nghiệp ác, nên đọa vào đường dữ, so với người có tánh quyết định của Nhị thừa khác và người không có tánh vẫn có nhiều khác nhau.

Sự khác nhau dù nhiều, nhưng ở đây, tóm tắt bốn việc để chứng tỏ không đồng: Hai nhân đã nói ở trước; thứ ba, là tánh thọ, sinh nhằm chán thứ tư, xót thương khổ thọ còn lại.

Bốn sự của văn này đều do vô thủy mà có sức chúng-tánh của Bồ-tát đã làm xong.

Trong bốn tùy phiền não, luận này phần nhiều nói mười thứ phiền não, gọi là căn bản; Triền cấu, gọi là Tùy. Luận Đối Pháp nói: “Tất cả phiền não đều gọi là Tùy, do chúng xoay vần nhân nhau mà sinh, đều gọi là “Tùy”. Nay ở đây đã nói nghiệp và báo nhân phiền não khởi, đều gọi là Tùy phiền não.

Thứ nhất, chỉ là Thể tánh phiền não.

Thứ hai, chung cho có nghiệp, “hoặc”, gọi là Tùy phiền não, do gần gũi ngoại đạo, khởi các tà hạnh.

Thứ ba, do thân lệ thuộc chồng, vương tặc, không thể tự tại tu đạo. Ở đây tức nói báo, gọi là tùy phiền não.

Thứ tư, là tiền của, dụng cụ, nghề nghiệp, đoái hoài, luyến tiếc thân mạng. Nghèo và báo, gọi là Tùy phiền não.

Nói trong chứng Bồ-đề, có mau, chậm chia làm hai:

1- Nói về người chứng tánh chứng có chậm, mau.

2- Nói về người không có chứng tánh, quyết định sẽ không chứng.

Trong phần trước do bốn nhân duyên, không thể chứng nhanh chóng:

a) Chưa gặp Phật nói đạo không điên đảo, ở đây chưa phát tâm

b) Dù nghe nói phát tâm điên đảo tu học.

c) Dù nói không có điên đảo, mà phương tiện thông thả, chậm chap. Ba nhân duyên này đều ở Thập tín trở xuống.

d) Bốn vị Địa tiền, căn lành chưa thành thực. Tư lương của Sơ Địa chưa được viên mãn. Vì nhân duyên thiếu, nên không thể chứng nhanh chóng Bồ-đề của Sơ địa. Như hạt giống trung, hạ của Tiểu thừa thành tựu. Nếu thành tựu, thì sẽ nhập kiến đạo. Trong đây cũng thế. Đã nói căn lành chưa thành thực, phải biết rằng người này chưa nhập Sơ Địa. Nếu người nào không có chứng tánh Đại thừa thì cho dù họ có tất cả. Nhất thiết chủng đi nữa, phải biết rằng quyết định không chứng Bồ-đề.

Pháp sư Cảnh nói: Nhị thừa định tánh và người không có chứng tánh Ba thừa, dù có duyên ban đầu gặp tất cả Phật. Thứ hai, dù nghe pháp, tu tập tất cả hạnh không điên đảo. Thứ ba, tất cả siêng năng tu phương tiện mà không có chậm trễ, thông thả.

Do không có chứng tánh, tất định không chứng Bồ-đề của Sơ địa. Nếu trái với bốn thứ này, thì nên nói là:

1- Gặp tất cả Phật nghe pháp phát tâm.

2- Nhờ phát tâm nên tu học không có trái ngược.

3- Tinh tấn mạnh mẽ.

4- Căn lành thành tựu, tư lương viên mãn, sẽ nhập Sơ địa.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nhất thiết có ba thứ”:

1- Nhất thiết nghĩa là Phật.

2- Nhất thiết nghĩa là học hạnh.

3- Nhất thiết nghĩa là ba đời.

Nói: “Người không có chứng tánh Đại thừa, dù có Phật và đã học, hạnh, nhưng trong ba đời, quyết định sẽ không chứng Bồ-đề.

Lại, giải thích:

1- Nhất thiết nghĩa là Phật.

2- Nhất thiết nghĩa là đối với pháp mình đã học, không chấp điên đảo.

3- Nhất thiết nghĩa là phương tiện cấp tốc.

Trái với ba nhân duyên trước, chỉ trừ người căn cơ chưa thành

thục, không có chủng tánh, cũng được gặp Phật, học hạnh, mau chóng phát nguyện  
v.v....

Không có căn thành thục thứ tư, phải biết rằng quyết định sẽ không chứng  
Bồ-đề.”

Pháp sư Thái nói: “Từ vô thủy đến nay, dù có chủng tánh, nhưng vì thiếu bốn duyên,  
nên cũng không thể chứng nhanh chóng. Nếu đủ bốn duyên, thì chỉ trải qua ba kiếp, thì  
sẽ chứng nhanh chóng Tư lương viên mãn, tức ở kiếp đầu, nhất định thành Phật.

Vì thế, nên người không có chủng tánh, tất nhiên thiếu duyên thứ tư, ba duyên  
trước được có.

-----